

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Số: 694/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: 677/2022/TB-TL ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh T Đ A

Sinh năm 1991

Nơi thường trú: phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Chị P T P H

Sinh năm 1991

Nơi thường trú: phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T Đ A và chị P T P H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 15/11/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Hai vợ chồng đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân. Nay anh T Đ A và chị P T P H cùng đề nghị được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T Đ A và chị P T P H xác nhận có 01 con chung là cháu T T L, sinh ngày: 13/4/2021. Hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn chị P T P H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các cháu T T L, sinh ngày: 13/4/2021. Anh T Đ A có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh T Đ A và chị P T P H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh T Đ A và chị P T P H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T Đ A và chị P T P H chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh T Đ A và chị P T P H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh T Đ A và chị P T P H xác nhận có 01 con chung là cháu T T L, sinh ngày: 13/4/2021. Ly hôn giao con chung là cháu T T L cho chị P T P H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Anh T Đ A có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh T Đ A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung (động sản và bất động sản):** Anh T Đ A và chị P T P H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- **Về nợ:** Anh T Đ A và chị P T P H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- **Về lệ phí:** Anh T Đ A và chị P T P H mỗi người phải nộp 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0008481 và 0008482 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- **Về những vấn đề khác:** Anh T Đ A và chị P T P H không có yêu cầu gì khác.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THA dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND Ủy ban nhân dân thị trấn Đu, huyện Phú Lương, Thái Nguyên (Số 62/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thẩm phán

Đinh Thị Kiều My